

Bản án số: 645/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2020

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Đức Kiên

Bà Lê Thị Nhanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Việt Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N B, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: 337/25 Nguyễn Đình Chiểu, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 3.6 Tầng 3, khu D, Khu Cao ốc Phú Hoàng Gia- Giai đoạn 1, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã P, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đặng C B, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: 3.6 Tầng 3, khu D, Khu Cao ốc Phú Hoàng Gia- Giai đoạn 1, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 176 Coronation Road, Hillcrest, Auckland 0627, New Zealand.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn T D- Văn phòng Luật sư Mai D L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Bích trình bày:

Bà và ông Đặng C B đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 02 năm 2009. Sau khi kết hôn bà và ông B chung sống tương đối hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, cả hai không thể tự thỏa thuận giải quyết được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng C B.

- Về con chung: Có hai con chung Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013, Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013, bà đồng ý giao trẻ Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà và ông B mỗi người nuôi dưỡng một trẻ nên bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt bị đơn ông Đặng C B trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N B vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Có hai con chung Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013, Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011, ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011, ông đồng ý giao trẻ Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông và bà B mỗi người nuôi dưỡng một trẻ nên ông không yêu cầu bà Bích cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đặng C B: Luật sư Nguyễn T D- Văn phòng Luật sư Mai D L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt) nhưng có bài phát biểu như sau: Ông Đặng C B đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị N B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 02 năm 2009. Sau khi kết hôn ông B và bà B chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn, nay cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, hiện tại cả hai đã có

cuộc sống riêng. Nay bà Nguyễn Thị N B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng C B.

Về quan hệ hôn nhân nhận thấy ông B có ý kiến trình bày ông đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xét cho ông B và bà B được ly hôn.

Về con chung: Ông B và bà B có hai con chung Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013, Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011, ly hôn ông B yêu cầu được nuôi trẻ Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011, ông B đồng ý giao trẻ Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, về yêu cầu trên của ông B, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông B và bà B mỗi người nuôi dưỡng một trẻ nên ông B không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N B và ông Đặng C B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông B.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N B và ông Đặng C B tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 02 năm 2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Đặng C B định cư ở New Zealand. Sau khi kết hôn ông B chung sống tương đối hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, cả hai không thể tự thỏa thuận giải quyết được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà Nguyễn Thị N B yêu cầu được ly hôn với ông Đặng C B.

[2] Về con chung: Có hai con chung Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013, Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011, bà B yêu cầu được nuôi trẻ Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013, ông B nuôi dưỡng trẻ Đặng P A, sinh ngày 05/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà B và ông B mỗi người nuôi dưỡng một trẻ nên cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, và Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N B và ông Đặng C B.

2. Về con chung: Giao trẻ Đặng T A, sinh ngày 18/9/2013 cho bà Nguyễn Thị N B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Đặng C B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Đặng T A, sinh ngày 05/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà B và ông B mỗi người nuôi dưỡng một trẻ, nên cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N B chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0024062 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Bích Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

